

# BÁO CÁO NĂM HỌC 2021 – 2022 – TRƯỜNG TRUNG HỌC

1. Báo cáo dành cho tất cả các Trường Trung học (THCS, THPT hoặc Trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THCS, THPT)
2. Ngày hoàn thành báo cáo: 20/6/2022
2. Trường phổ thông nhiều cấp học chỉ thực hiện 01 báo cáo cho tất cả các cấp học.
3. Trường có nhiều điểm trường: Tổng hợp tất cả các điểm trường và thực hiện 01 báo cáo.
4. Trường có cấp học THCS sau khi thực hiện báo cáo này thì chuyển tiếp báo cáo qua email đến Phòng GDĐT Q/H.
5. Chú ý: nhập chính xác địa chỉ mail của đơn vị để nhận phản hồi thông tin và nhận các thông tin sau này, những mục có dấu \* là bắt buộc.

---

**\*Bắt buộc**

1. Email \*

---

## THÔNG TIN, TỔ CHỨC

2. Mã số báo cáo \*

Ghi đúng 4 chữ số của Mã số báo cáo của đơn vị. Có thể xem mã số báo cáo tại địa chỉ:

[https://hcmedu-my.sharepoint.com/:x:/g/personal/trunghoc\\_hcm\\_edu\\_vn/EVbjWelOiTBHkXjNtp1a56EBWsHdFAIT-bt4QPYvY0kag?rttime=vQdVIRNp2Ug](https://hcmedu-my.sharepoint.com/:x:/g/personal/trunghoc_hcm_edu_vn/EVbjWelOiTBHkXjNtp1a56EBWsHdFAIT-bt4QPYvY0kag?rttime=vQdVIRNp2Ug)

---

3. Tên trường \*

Ghi đầy đủ cấp học. Ví dụ: THPT Nguyễn Văn... hoặc THCS Nguyễn Văn... hoặc THCS và THPT Nguyễn Văn... hoặc TH, THCS và THPT Nguyễn Văn...

---

4. Địa chỉ trường \*

Số, đường, Khu phố, Ấp (nếu có), Phường/Xã, Quận/Huyện (Trường có nhiều điểm trường thì ghi địa chỉ Điểm chính)

---

5. Loại hình \*

Chọn loại hình trường

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ Công lập
- ☐ Tư thực
- ☐ Trường có yếu tố nước ngoài

6. Cấp học \*

Chọn các cấp học mà trường tổ chức giảng dạy (Theo Quyết định thành lập của Trường)

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ THPT
- ☐ THCS
- ☐ TH và THCS
- ☐ THCS và THPT
- ☐ TH, THCS và THPT

7. Quận/Huyện/TP \*

Chọn theo địa chỉ của trường (điểm chính của trường nhiều điểm trường)

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ Quận 1
- ☐ Quận 3
- ☐ Quận 4
- ☐ Quận 5
- ☐ Quận 6
- ☐ Quận 7
- ☐ Quận 8
- ☐ Quận 10
- ☐ Quận 11
- ☐ Quận 12
- ☐ Bình Chánh
- ☐ Bình Tân
- ☐ Bình Thạnh
- ☐ Cần Giờ
- ☐ Củ Chi
- ☐ Gò Vấp
- ☐ Hóc Môn
- ☐ Nhà Bè
- ☐ Phú Nhuận
- ☐ Tân Bình
- ☐ Tân Phú
- ☐ Thủ Đức

8. Kiểm định \*

Đánh dấu Cấp độ kiểm định chất lượng giáo dục đã được kiểm định theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT. (Căn cứ Quyết định công nhận). Chọn chưa kiểm định nếu nhà trường chưa được đánh giá ngoài hoặc đã đánh giá ngoài nhưng chưa có Quyết định công nhận)

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ Cấp độ 1
- ☐ Cấp độ 2
- ☐ Cấp độ 3
- ☐ Cấp độ 4
- ☐ Chưa kiểm định

9. Chuẩn quốc gia \*

Đánh dấu Mức độ đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT. (Căn cứ Quyết định công nhận). Chọn chưa đạt chuẩn QG nếu nhà trường chưa có Quyết định công nhận

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ Mức độ 1
- ☐ Mức độ 2
- ☐ Chưa đạt chuẩn QG

10. Tổ chức dạy học \*

Chọn hình thức tổ chức dạy học căn cứ vào Quyết định (Lưu ý: Trường dạy học 2 buổi/ngày phải có Quyết định của Sở GD&ĐT)

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ 1 buổi/ngày
- ☐ 1 buổi/ngày, một số lớp 2 buổi/ngày
- ☐ 1 buổi/ngày, có Dạy thêm học thêm trong trường
- ☐ 2 buổi/ngày

11. Bán trú, Nội trú \*

Chọn các nội dung mà nhà trường có tổ chức bán trú, nội trú (một số hoặc tất cả) cho học sinh.  
Nếu không tổ chức cả bán trú và nội trú thì chọn Không

*Chọn tất cả mục phù hợp.*

☐ Nội trú

☐ Bán trú

☐ Không

12. Số HS Bán trú \*

Ghi tổng số học sinh bán trú toàn trường - Không có nhập: 0

---

13. Số HS Nội trú \*

Ghi tổng số học sinh nội trú toàn trường - Không có ghi: 0

---

**ĐỘI NGŨ CB-GV-NV**

14. Hiệu trưởng \*

Nhập đầy đủ Họ và tên của Hiệu trưởng. Đối với trường nhiều cấp học thì nhập họ tên Hiệu trưởng cấp học cao nhất. (Viết hoa đầu mỗi từ. Ví dụ: Nguyễn Văn An)

---

15. Điện thoại Hiệu trưởng \*

Nhập số điện thoại di động của Hiệu trưởng. Nhập liên tiếp 10 số (kể cả số 0 ở đầu), không chừa khoảng trắng

---

16. Phó Hiệu trưởng CM \*

Nhập đầy đủ Họ và tên của Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. Đối với trường nhiều cấp học thì nhập họ tên Phó Hiệu trưởng cấp học cao nhất. (Viết hoa đầu mỗi từ. Ví dụ: Nguyễn Văn An)

---

17. Điện thoại Phó Hiệu trưởng CM \*

Nhập số điện thoại di động của Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. Nhập liên tiếp 10 số (kể cả số 0 ở đầu), không chừa khoảng trắng

---

18. GV THPT \*

Số lượng giáo viên chỉ dạy cấp THPT. Nếu không có thì nhập số 0

---

19. GV THCS \*

Số lượng giáo viên dạy chỉ cấp THCS. Nếu không có thì nhập số 0

---

20. GV THCS-THPT \*

Số lượng giáo viên dạy cả 2 cấp THCS và THPT đối với trường phổ thông nhiều cấp học. Nếu không có thì nhập số 0

---

21. GV THPT đạt chuẩn \*

Số lượng giáo viên có dạy cấp THPT đạt chuẩn (tính cả GV trên chuẩn). Nếu GV dạy cả 2 cấp THCS và THPT đạt chuẩn thì tính vào mục này. Nếu không có thì nhập số 0

---

22. GV THCS đạt chuẩn \*

Số lượng giáo viên dạy cấp THCS đạt chuẩn (tính cả GV trên chuẩn đối với cấp THCS. Chỉ tính số GV dạy cấp THCS). Nếu không có thì nhập số 0

---

23. GV THPT trên chuẩn \*

Số lượng giáo viên có dạy cấp THPT trên chuẩn. Nếu GV dạy cả 2 cấp THCS và THPT trên chuẩn thì tính vào mục này. Nếu không có thì nhập số 0

---

24. GV THCS trên chuẩn \*

Số lượng giáo viên dạy cấp THCS trên chuẩn (Chỉ tính số GV dạy cấp THCS). Nếu không có thì nhập số 0

---

25. Tỷ lệ GV THPT trên lớp \*

Nhập tỉ lệ GV THPT/lớp (Số GV/số lớp THPT, nhập 2 số lẻ thập phân, ngăn cách với phần nguyên là dấu chấm). Ví dụ: 2.21 (hiểu là: 2.21 GV/lớp). Nếu không có cấp THPT thì nhập 0

---

26. Tỷ lệ GV THCS trên lớp \*

Nhập tỉ lệ GV THCS /lớp (Số GV/số lớp THCS, nhập 2 số lẻ thập phân, ngăn cách với phần nguyên là dấu chấm). Ví dụ: 2.21 (hiểu là: 2.21 GV/lớp). Nếu không có cấp THCS thì nhập 0

---

27. NV THPT \*

Số lượng nhân viên ở cấp THPT. Nếu không có thì nhập số 0

---

28. NV THCS \*

Số lượng nhân viên ở cấp THCS. Nếu không có thì nhập số 0

---

29. NV THCS-THPT \*

Số lượng nhân viên ở cả 2 cấp THCS và THPT đối với trường phổ thông nhiều cấp học. Nếu không có thì nhập số 0

---

*Chuyển đến câu hỏi 30*

**DẠY HỌC NGOẠI NGỮ**

30. Ngoại ngữ 1 \*

Chọn chương trình ngoại ngữ 1 đang tổ chức dạy học tại trường. Nếu chọn Khác thì thêm thuyết minh.

*Chọn tất cả mục phù hợp.*

- ☐ Tiếng Anh 7 năm
- ☐ Tiếng Anh 10 năm
- ☐ Tiếng Anh 12 năm
- ☐ Tiếng Pháp
- ☐ Tiếng Đức
- ☐ Tiếng Trung
- ☐ Tiếng Nhật
- ☐ Tiếng Hàn
- ☐ Mục khác: \_\_\_\_\_

31. Ngoại ngữ 2 \*

Chọn Ngoại ngữ 2 đang tổ chức dạy học (có tham gia tính điểm trong Kiểm tra, đánh giá). Nếu chọn Khác thì ghi rõ tên ngoại ngữ

*Chọn tất cả mục phù hợp.*

- ☐ Tiếng Anh
- ☐ Tiếng Pháp
- ☐ Tiếng Đức
- ☐ Tiếng Trung
- ☐ Tiếng Nhật
- ☐ Tiếng Hàn
- ☐ Không có NN2
- ☐ Mục khác: \_\_\_\_\_

32. Chương trình GD nhà trường về ngoại ngữ (thu theo thoả thuận) \*

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Dạy học Tích hợp (theo Nghị định 86/NĐ-CP đối với trường NCL do BGD phê duyệt)
- ☐ Tiếng Anh Tích hợp (Đề án 5695/QĐ-UBND của UBND TP - phối hợp với EMG)
- ☐ Tiếng Anh Tăng cường
- ☐ Tăng cường tiếng Pháp
- ☐ Song ngữ tiếng Pháp
- ☐ Đề án thí điểm tiếng Nhật (Bộ GDĐT)
- ☐ Đề án thí điểm tiếng Hàn (Bộ GDĐT)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Anh (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Pháp (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Đức (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Nhật (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Trung (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Dạy bổ sung tiếng Hàn (theo chương trình do nhà trường cam kết với PHHS)
- ☐ Không thực hiện
- ☐ Khác

33. Số Giáo viên nước ngoài \*

Số lượng giáo viên nước ngoài hợp đồng dạy học tại trường (nếu không có thì nhập số 0)

THỰC  
HIỆN  
NHIỆM  
VỤ NĂM  
HỌC

Trong mỗi phần có thể nhập văn bản dài. Nêu những mặt làm được, thuận lợi, khó khăn, giải pháp, kiến nghị. Bám sát yêu cầu Thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học (theo công văn 2380/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2021)

#### 34. Tăng cường lãnh đạo, phát huy sức mạnh \*

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy, Chi bộ, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị của cơ sở trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tất cả hướng đến sự ổn định, phát triển của từng đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện các nội quy, quy chế, qui trình tổ chức quản lý, quản trị nhà trường, đẩy mạnh cải cách hành chính; Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, Cán bộ quản lý, giáo viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. Khuyến cáo, ngăn ngừa các sai phạm quy chế, quy định về chuyên môn; kiên quyết xử lý các trường sai phạm quy chế, quy định khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong năm học. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường, thực hiện giám sát, đánh giá, ghi nhận các phản ánh, ý kiến của người học và gia đình người học để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

---

---

---

---

---

#### 35. Triển khai chương trình GDPT mới \*

Chuẩn bị cho công tác triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới: nâng cao tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày. Tổ chức thực hiện tốt việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 6 theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT và theo phương án do Ủy ban nhân dân thành phố qui định; Thực hiện triển khai giảng dạy lớp 6 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2021-2022.

---

---

---

---

---

#### 36. Kế hoạch Chương trình GDPT 2018

Các trường có cấp THPT gửi tập tin Kế hoạch thực hiện chương trình GDPT 2018 ở lớp 10 năm học 2022 - 2023 tại đây (Theo công văn số 1094/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/4/2022). Tập tin dạng .PDF hoặc .DOCX

Các tệp đã được gửi:

**37. Giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn \***

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, bảo đảm an toàn trường học, rà soát các phương án đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh, thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh. Trong công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục. Tăng cường quản lý công tác dạy học tại các cơ sở giáo dục nội trú, bán trú.

---

---

---

---

---

**38. Kiểm định chất lượng giáo dục \***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

---

---

---

---

---

**39. Phổ cập giáo dục \***

Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học; tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn; thực hiện tốt Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD và xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, xóa mù chữ;

---

---

---

---

---

#### 40. Chương trình, Đề án \*

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Đề án, chương trình đột phá của Thành phố Chương trình “Dạy Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”; Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 về triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2019 - 2025; định hướng học sinh học và tham gia kiểm tra trình độ Tiếng Anh Đề án giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030; Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế; giai đoạn 2021 – 2030” theo Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh. Duy trì và nâng cao chất lượng các cơ sở thực hiện mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế; xây dựng trường chuẩn quốc gia;

---

---

---

---

---

#### 41. Đổi mới dạy học \*

Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp. đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM theo công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ GDĐT, thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 – 2030”. Tiếp tục tổ chức khảo sát chất lượng học sinh lớp 7, 9, 11; chú trọng xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh cho giáo viên và học sinh; Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng; tăng cường các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của của ngành, của thành phố.

---

---

---

---

---

#### 42. Xã hội hóa \*

Tăng cường xã hội hóa, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát huy hiệu quả hoạt động Hội khuyến học, Chi hội khuyến học các cấp và thu hút, huy động mọi nguồn lực để góp phần xã hội hóa giáo dục đúng luật và hiệu quả.

---

---

---

---

---

#### 43. Ứng dụng CNTT \*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

---

---

---

---

---

*Chuyển đến câu hỏi 44*

**THỰC HIỆN ĐỀ  
ÁN, CHƯƠNG  
TRÌNH**

Trong mỗi nội dung này, nêu những nội dung: Đã làm, đã triển khai;  
Thuận lợi; Khó khăn; Giải pháp; Đánh giá; Dự kiến kế hoạch tiếp theo

#### 44. Đề án Giáo dục thông minh và học tập suốt đời \*

Theo Kế hoạch số 2619/KH-SGDĐT ngày 01/10/2021

---

---

---

---

---

45. Đề án dạy học Tin học chuẩn quốc tế \*

Theo Kế hoạch số 1274/KH-SGDĐT ngày 04/5/2021

---

---

---

---

---

46. Đề án dạy học Ngoại ngữ \*

Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của UBND TP. Hồ Chí Minh và các văn bản liên quan

---

---

---

---

---

47. Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh \*

Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan

---

---

---

---

---

Chuyển đến câu hỏi 48

**DẠY HỌC TÍCH  
HỢP**

Báo cáo nội dung thực hiện. Phần này có thể copy và dán văn bản dài

48. Tích hợp phòng chống tham nhũng theo Chỉ thị 10/CT-TTg - Cấp THPT \*

Về nội dung PCTN được tích hợp lồng ghép vào môn học GDCD với thời lượng là 6 tiết phân bố trong 3 năm học từ lớp 10 đến lớp 12 được nhà trường thực hiện như thế nào? Về việc sử dụng tài liệu giảng dạy đối với cấp THPT: "Giáo dục đạo đức liên chính cho học sinh THPT" ban hành theo Quyết định số 4763/QĐ-BGDĐT, ngày 9/11/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT? (THCS nhập "0")

---

---

---

---

---

49. Kinh phí phục vụ dạy học phòng chống tham nhũng theo Chỉ thị 10/CT-TTg \*  
- Cấp THPT

Về việc kinh phí nhà trường bố trí tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất, tư liệu (phim ảnh, sự kiện, vụ án, ...) phục vụ cho việc giảng dạy Phòng chống tham nhũng. Nêu tổng số kinh phí trang bị trong năm học. VD ghi tổng số tiền: 2000000 (đơn vị tính là đồng, nhập liên tục không ngắt cách hàng triệu, ngàn) (THCS nhập "0")

---

50. Tích hợp Bảo vệ môi trường \*

Thực hiện Chỉ thị số 02/2005/CT-BGD&ĐT ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Bộ GDĐT về tăng cường công tác bảo vệ môi trường (nêu những việc đã làm được), nhà trường đã thực hiện nội dung này như thế nào?

---

---

---

---

---

51. Tích hợp Bảo vệ động vật hoang dã \*

Thực hiện Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường chỉ đạo và thực hiện biện pháp kiểm soát, bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nhà trường đã thực hiện nội dung này như thế nào?

---

---

---

---

---

52. Thực hiện nội dung GD địa phương \*

Thực hiện hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nội dung GD địa phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009, nhà trường đã thực hiện nội dung này như thế nào?

---

---

---

---

---

53. Thực hiện nội dung GD với di sản văn hoá \*

Thực hiện hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ VHTTDL ngày 16/01/2013 về hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX), nhà trường đã thực hiện nội dung này như thế nào?

---

---

---

---

---

54. Giáo dục đạo đức, lối sống, ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa \*

Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp. Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

---

---

---

---

---

Chuyển đến câu hỏi 55

## ỨNG DỤNG CNTT

55. Ứng dụng CNTT trong dạy học \*

Việc dạy học trực tuyến, sử dụng phần mềm thí nghiệm ảo, các ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học đã thực hiện trong năm học

---

---

---

---

---

56. Ứng dụng CNTT trong quản lý \*

Tự đánh giá của đơn vị trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý, cập nhật CSDL GD Trung học (tại địa chỉ <http://quanly.hcm.edu.vn>)

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Cập nhật đầy đủ, chính xác CSDL chung về thông tin: nhà trường, học sinh, giáo viên.
- ☐ CSDL trường kết nối API với CSDL chung, điểm số được quản lý đúng qui chế và được cập nhật.
- ☐ Cập nhật HS mới và thực hiện chuyển trường trên phần mềm đầy đủ.
- ☐ Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các báo cáo trực tuyến.
- ☐ Đăng ký các hoạt động chuyên môn đúng hạn.
- ☐ Đã thực hiện nhưng còn 1 số hạn chế cần khắc phục.
- ☐ Chưa thực hiện đầy đủ.
- ☐ Mục khác: \_\_\_\_\_

57. Phòng máy tính \*

Số lượng phòng máy tính có kết nối Internet cho học sinh

---

58. Máy vi tính \*

Tổng số lượng máy vi tính có kết nối internet cho học sinh đang hoạt động

---

59. Tin học quốc tế \*

Nhà trường đã tổ chức dạy và cho học sinh thi các chứng chỉ quốc tế nào? Chọn "Không" nếu không tổ chức. Nếu chọn Khác thì ghi tên chứng chỉ

*Chọn tất cả mục phù hợp.*

☐ MOS

☐ IC3

☐ ACA

☐ Không

☐ Mục khác: \_\_\_\_\_

60. Chứng chỉ THPT \*

Số lượng học sinh THPT đã đạt chứng chỉ Tin học quốc tế trong năm học

---

61. Chứng chỉ THCS \*

Số lượng học sinh THCS đã đạt chứng chỉ Tin học quốc tế trong năm học

---

62. Tổng kinh phí cho trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị CNTT trong năm học \*

Nhập số liên tục (đơn vị tính là Đồng). Không ngăn cách hàng ngàn, triệu.

---

63. Dạy học phòng chống dịch bệnh Covid-19 \*

Tình hình thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2020-2021. Tình hình và kết quả dạy học qua Internet, Tình hình thực hiện phòng chống dịch COVID theo công văn 536/SGDĐT-CTTT ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 khi học sinh, sinh viên đi học trở lại. Văn bản số 1224/SGDĐT-CTTT ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19. CV 73/CDGD V/v tiếp tục tạm dừng một số hoạt động để đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 NGÀY 5/5/2021

---

---

---

---

---

Chuyển đến câu hỏi 64

GIÁO DỤC HÒA NHẬP

64. Thực hiện nhiệm vụ GD hoà nhập \*

Tự đánh giá của nhà trường về công tác GD hoà nhập (các đơn vị chưa có HS hoà nhập tự đánh giá về công tác phổ biến)

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Phổ biến Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.
- ☐ Thực hiện văn bản số 5601/UBND-VX về phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục
- ☐ Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ và phát triển Giáo dục hòa nhập Tp. HCM về GD hoà nhập
- ☐ Có phòng hỗ trợ học sinh hoà nhập (đối với các trường có HS hoà nhập)
- ☐ Có thực hiện các nội dung trên nhưng còn một số hạn chế
- ☐ Chưa thực hiện

65. Học sinh khuyết tật THPT \*

Tính trên số lượng HS THPT đã có chứng nhận dạng tật và đã nhập thông tin đầy đủ trên CSDL chung. Nếu không có thì nhập số 0

---

66. Học sinh khuyết tật THCS \*

Tính trên số lượng HS THCS đã có chứng nhận dạng tật và đã nhập thông tin đầy đủ trên CSDL chung. Nếu không có thì nhập số 0

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GD  
- CHUẨN QUỐC GIA

Thực hiện Thông tư số 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018  
có hiệu lực ngày 10/10/2018

67. Công tác tự đánh giá \*

Nhà trường tự đánh giá theo các nội dung sau:

*Chọn tất cả mục phù hợp.*

- ☐ Đã tham dự tập huấn công tác tự đánh giá.
- ☐ Đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá
- ☐ Đã đăng ký đánh giá ngoài
- ☐ Chưa thực hiện

68. Kiểm định chất lượng giáo dục \*

*Chỉ đánh dấu một hình ôvan.*

- ☐ Đã được kiểm định
- ☐ Đoàn đánh giá ngoài đang kiểm định
- ☐ Chưa đăng ký đánh giá ngoài

69. Dự kiến đăng ký đánh giá ngoài \*

Nhà trường dự kiến đăng ký đánh giá ngoài vào thời điểm nào? Nếu trường đã kiểm định hoặc đang được đánh giá ngoài thì ghi "Đã thực hiện"

---

---

---

---

---

*Chuyển đến câu hỏi 70*

70. CLB học thuật của HS \*

Tổng số CLB đang hoạt động hiệu quả

---

71. CLB năng khiếu - TDTT của HS \*

Tổng số CLB đang hoạt động hiệu quả

---

72. Nội dung hoạt động VTM nổi trội \*

(Có thể copy và paste văn bản dài) Hình thức tổ chức, Đánh giá hoạt động

---

---

---

---

---

73. Giáo dục thể chất và thể thao \*

(Có thể copy và paste văn bản dài) Thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

---

---

---

---

---

74. Phổ cập bơi \*

Tổng số HS đã biết bơi.

---

*Chuyển đến câu hỏi 75*

Kiểm tra nội bộ nhà trường

75. Kiểm tra nội bộ \*

Tổng số lượt kiểm tra nội bộ nhà trường đã thực hiện

---

76. Quản lý dạy thêm, cải tiến hồ sơ, khắc phục lạm thu \*

Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; khắc phục tình trạng lạm thu. Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

---

---

---

---

---

77. Học sinh bỏ học \*

Tổng số học sinh bỏ học (không thể vận động ra lớp)

---

78. Học sinh bảo lưu \*

Tổng số học sinh bảo lưu (đi du học hoặc vì lý do đặc biệt khác)

---

79. Đánh giá chung về hoạt động chuyên môn trong năm học \*

Có thể copy và paste văn bản dài

---

---

---

---

---

80. Thành tích đạt được trong năm học \*

Có thể copy và paste văn bản dài

---

---

---

---

---

## HOÀN THÀNH BÁO CÁO

81. Các ý kiến, đề xuất, đề nghị \*

Nếu không có, nhập "0"

---

---

---

---

---

82. Họ và tên, chức vụ, số điện thoại của người lập báo cáo \*

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Phó Hiệu trưởng, 0909...

---

---

Nội dung này không phải do Google tạo ra hay xác nhận.

Google Biểu mẫu